**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIN HỌC 12 HỌC KÌ II**

**Năm học 2021-2022**

**I. Lí Thuyết**

1. Mô hình dữ liệu là gì? Kể tên các mô hình dữ liệu hiện nay?

2. Trình bày đặc điểm của mô hình dữ liệu quan hệ?

3. CSDL quan hệ là gì? Hệ quản trị CSDL quan hệ là gì?

4. Trình bày các đặc trưng của một quan hệ trong CSDL quan hệ?

5. Trong CSDL quan hệ, hãy cho biết:

- Khóa là gì?

- Khóa chính là gì?

 6. Tại sao phải bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

7. Trình bày các giải pháp bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

8. Với vị trí người dùng, em có thể làm gì để bảo vệ hệ thống khi khai thác CSDL?

**II. Trắc nghiệm**

**Câu 1.** Báo cáo (Report) dùng để:

A. Tạo bảng B. Nhập dữ liệu

C. Tổng hợp, trình bày và in dữ liệu D. Tính toán và kết xuất thông tin

**Câu 2.** Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm :

 A. Tạo liên kết giữa các bảng

 B. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

 C. Câu A và C đúng

 D. Khai báo kích thước của trường

**Câu 3.** Câu nào sai trong các câu dưới đây?

 A. Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu

 B. Lưu biên bản hệ thống cũng là cách để bảo mật thông tin

 C. Thông tin thường được lưu trữ dưới dạng mã hóa để giảm khả năng rò rỉ

 D. Hệ QT CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

**Câu 4.** Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?

 A. Reports B. Queries C. Tables D. Forms

**Câu 5.** Báo cáo không thực hiện chức năng nào sau đây:

A. Nhập dữ liệu B. Tính toán

C. Sắp xếp dữ liệu D. Trình bày dữ liệu

**Câu 6.** Thao tác trên dữ liệu có thể là:

 A. Tất cả đáp án trên B. Xoá bản ghi

 C. Sửa bản ghi D. Thêm bản ghi

**Câu 7.** Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

 A. Phần mềm Microsoft Access

 B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

 C. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

 D. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệt

**Câu 8.** Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai khi nói về miền?

 A. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên

 B. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền

 C. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau

 D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

**Câu 9.** Bảng phân quyền cho phép :

 A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng

 B. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

 C. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.

 D. Giúp người quản lí xem được các đối tượng truy cập hệ thống.

**Câu 10.** Chỉnh sửa dữ liệu là:

 A. Xoá một số thuộc tính

 B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

 C. Xoá một số quan hệ

 D. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

**Câu 11.** Phát biểu nào sai trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

 A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính

 B. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu

 C. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

 D. Mỗi bảng có ít nhất một khoá

**Câu 12.** Chọn phương án ĐÚNG để được câu hoàn chỉnh?

Cấu trúc dữ liệu là

A. cách thức tổ chức dữ liệu. B. giả thiết của bài toán.

C. kết luận của bài toán. D. cách giải quyết bài toán.

**Câu 13.** Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

 A. Trường SOBH là trường ngắn hơn

 B. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN

 C. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số

 D. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất

**Câu 14.** Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

 A. Tạo báo cáo thống kê số liệu

 B. Hiển thị và cập nhật dữ liệu

 C. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

 D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

**Câu 15.** Thao tác nào sau đây không là khai thác CSDL quan hệ?

 A. Kết xuất báo cáo B. Thêm bản ghi mới

 C. Sắp xếp các bản ghi D. Xem dữ liệu

**Câu 16.** Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:

 A. Thường xuyên sao chép dữ liệu

 B. Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ

 C. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

 D. Nhận dạng người dùng bằng mã hoá

**Câu 17.** Thao tác nào sau đây không là khai thác CSDL quan hệ?

 A. Sắp xếp các bản ghi B. Kết xuất báo cáo

 C. Xem dữ liệu D. Thêm bản ghi mới

**Câu 18.** Khi báo cáo đang ở chế độ thiết kế, có thể nháy nút nào để xem kết quả của báo cáo?

 A.  B.  C.  D. 

**Câu 19.** Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

 A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo

 C. Tạo ra một hay nhiều bảng D. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi

**Câu 20.** Cho các bảng sau :

- DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai)

- LoaiSach(MaLoai, LoaiSach)

- HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết giá của một quyển sách thì cần những bảng nào ?

 A. HoaDon B. DanhMucSach, LoaiSach

 C. HoaDon, LoaiSach D. DanhMucSach, HoaDon

**Câu 21.** Mọi thao tác như xem, tạo, sửa, xóa liên kết đều được thực hiện trong cửa sổ nào sau đây?

 A. Relationship B. Show Table C. Design View D. Form Wizard

**Câu 22.** Các khái niệm dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

 A. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu

 B. Các ràng buộc dữ liệu

 C. Cấu trúc dữ liệu

 D. Tất cả câu trên

**Câu 23.** Người có chức năng phân quyền truy cập là:

 A. Người quản trị CSDL. B. Người dùng

 C. Lãnh đạo cơ quan. D. Người viết chương trình ứng dụng.

**Câu 24.** Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ không thực hiện công việc:

 A. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

 B. Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

 C. Định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

 D. Liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

**Câu 25.** Trong bảo mật hệ thống, mật khẩu và mã hoá thông tin phải tuân theo qui định nào dưới đây?

A. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

B. Không được thay đổi nhiều vì làm như thế sẽ lỗi mật khẩu.

C. Phải thường xuyên thay đổi để tăng cường tính bảo mật.

D. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

**Câu 26.** Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nháy nút:

 A.  B.  C.  D. 

**Câu 27.** Em hãy cho biết ý kiến nào là đúng. Trong giờ ôn tập về hệ CSDL, các bạn trong lớp thảo luận rất hăng hái. Đề cập đến vai trò của máy khách trong hệ CSDL khách-chủ, có rất nhiều bạn phát biểu:

 A. Có thể được dùng để lưu trữ một phần CSDL

 B. Có nhiệm vụ kiểm tra quyền được truy cập vào CSDL

 C. Tất cả đều sai

 D. Không được phép cài đặt thêm bất kì một CSDL cá nhân nào

**Câu 28.** Chỉnh sửa dữ liệu là:

 A. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

 B. Xoá một số thuộc tính

 C. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

 D. Xoá một số quan hệ

**Câu 29.** Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

 A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 B. Là một dạng bộ lọc

 C. Là một dạng bộ lọc;có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

**Câu 30.** Câu nào sau đây sai?

 A. Các hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép tạo ra các biểu mẫu để xem các bản ghi

 B. Có thể xem toàn bộ dữ liệu của bảng

 C. Không thể tạo ra chế độ xem dữ liệu đơn giản

 D. Có thể dùng công cụ lọc dữ liệu để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng

**Câu 31**. Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.

B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản, cài đặt mật khẩu

C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.

D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.

**Câu 32.** Trong một trường THPT có xây dựng một CSDL quản lý điểm Học Sinh. Người Quản trị CSDL có phân quyền truy cập cho các đối tượng truy cập vào CSDL. Theo em cách phân quyền nào dưới đây hợp lý:

 A. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung; BGH: Xem, sửa, xoá.

 B. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xóa; BGH: Xem, Bổ sung.

 C. HS: Xem, Xoá; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung, sửa, xoá.

 D. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem.

**Câu 33.** Ngoài mật khẩu, ngày nay các hệ thống hiện đại còn dùng những cách nào sau đây để nhận biết người muốn vào hệ thống là người đã đăng kí trước đó?

 A. Dấu vân tay, chữ kí điện tử, giọng nói

 B. Ngày tháng năm sinh, địa chỉ

 C. Hình ảnh, chứng minh nhân dân

 D. Họ tên, chứng minh nhân dân

**Câu 34.** Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?

 A. Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu, …

 B. Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật

 C. Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật

 D. Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng

**Câu 35.** Câu nào sau đây sai?

 A. Có thể xem toàn bộ dữ liệu của bảng

 B. Không thể tạo ra chế độ xem dữ liệu đơn giản

 C. Có thể dùng công cụ lọc dữ liệu để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng

 D. Các hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép tạo ra các biểu mẫu để xem các bản ghi

**Câu 36.** Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

 A. Mô hình phân cấp B. Mô hình cơ sỡ quan hệ

 C. Mô hình hướng đối tượng D. Mô hình dữ liệu quan hệ

**Câu 37.** Nén dữ liệu nhằm mục đích:

 A. Người dùng truy cập dễ dàng hơn

 B. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng

 C. Ngăn chặn các truy cập không được phép

 D. Giảm dung lượng lưu trữ và tăng cường tính bảo mật

**Câu 38.** Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

 A. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.

 B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.

 C. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản, cài đặt mật khẩu

 D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.

**Câu 39.** Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau?

 A. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo

 B. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức

 C. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động

 D. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần

**Câu 40.** Để tạo một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi gì?

 A. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào?

 B. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Tạo báo cáo bằng cách nào?

 C. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo?

 D. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Hình thức báo cáo như thế nào?

**Câu 41.** Đặc điểm nào sau đây không là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

 A. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

 B. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng

 C. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp

 D. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng

**Câu 42.** Đối tượng nào sau đây không thể cập nhật dữ liệu?

 A. Bảng B. Mẫu hỏi, báo cáo

 C. Báo cáo D. Bảng, biểu mẫu

**Câu 43.** Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:

 A. Họ tên người dùng. B. Chữ ký.

 C. Hình ảnh. D. Tên tài khoản và mật khẩu.

**Câu 44.** Bảng phân quyền cho phép:

A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng

B. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.

C. Giúp người quản lí xem được các đối tượng truy cập hệ thống.

D. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

**Câu 45.** Hệ CSDL có một người dùng được gọi là gì?

 A. Hệ CSDL trung tâm B. Hệ CSDL khách chủ

 C. Hệ CSDL cá nhân D. Hệ CSDL phân tán

**Câu 46.** Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

 A. Hiển thị và cập nhật dữ liệu

 B. Tạo báo cáo thống kê số liệu

 C. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

 D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

**Câu 47.** Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn hiển thị thông tin điểm cao nhất của mỗi lớp để sử dụng lâu dài, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?

 A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

**Câu 48.** Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

 A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 B. Là một dạng bộ lọc

 C. Là một dạng bộ lọc;có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

**Câu 49.** Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng:

 A. Mẫu hỏi B. Bảng C. Biểu mẫu D. Báo cáo

**Câu 50.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai ?

A. Bảng phân quyền truy cập cũng là dữ liệu của CSDL

B. Dựa trên bảng phân quyền để trao quyền truy cập khác nhau để khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng khác nhau

C. Mọi người đều có thể truy cập, bổ sung và thay đổi bảng phân quyền

D. Bảng phân quyền không giới thiệu công khai cho mọi người biết

**Câu 51.** Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

 A. Tạo ra một hay nhiều bảng B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo

 C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi D. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu

**Câu 52.** Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần:

 A. Thường xuyên sao chép dữ liệu

 B. Thường xuyên thay đổi các yếu tố của hệ thống bảo vệ

 C. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

 D. Giảm số lần đăng nhập vào hệ thống

**Câu 53.** Em hãy cho biết ý kiến nào là đúng. Trong giờ ôn tập về hệ CSDL, các bạn trong lớp thảo luận rất hăng hái. Đề cập đến vai trò của máy khách trong hệ CSDL khách-chủ, có rất nhiều bạn phát biểu:

 A. Không được phép quản lí các giao diện khi thực hiện các chương trình ứng dụng khai thác CSDL

 B. Có nhiệm vụ kiểm tra quyền được truy cập vào CSDL

 C. Có quyền xin được cấp phát tài nguyên

 D. Không được phép cài đặt thêm bất kì một CSDL cá nhân nào

**Câu 54.** Các yếu tố tham gia trong việc bảo mật hệ thống như mật khẩu, mã hoá thông tin cần phải:

 A. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

 B. Phải thường xuyên thay đổi để tằng cường tính bảo mật.

 C. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

 D. Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.

**Câu 55.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai ?

 A. Bảng phân quyền không giới thiệu công khai cho mọi người biết

 B. Mọi người đều có thể truy cập, bổ sung và thay đổi bảng phân quyền

 C. Bảng phân quyền truy cập cũng là dữ liệu của CSDL

 D. Dựa trên bảng phân quyền để trao quyền truy cập khác nhau để khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng khác nhau

**Câu 56.** Với báo cáo, ta không thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

 A. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày

 B. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó

 C. Gộp nhóm dữ liệu

 D. Chọn trường đưa vào báo cáo

**Câu 57.** Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

 A. Bảng (Table) B. Báo cáo (Report)

 C. Hàng (Record) D. Cột (Field)

**Câu 58.** Phát biểu nào dưới đây không phải là bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

 A. Ngăn chặn các truy cập không được phép

 B. Khống chế số người sử dụng CSDL

 C. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng

 D. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

**Câu 59.** Người có chức năng phân quyền truy cập là:

A. Người dùng

B. Người viết chương trình ứng dụng.

C. Người quản trị CSDL.

D. Lãnh đạo cơ quan.

**Câu 60.** Trong CSDL QL\_ThuVien, hãy xác định khóa chính của bảng MƯỢN SÁCH sau. Biết rằng trong một ngày quy định không được mượn một cuốn sách nhiều lần.

 A. Số thẻ B. Ngày mượn, Ngày trả

 C. Mã số sách D. Số thẻ, Mã số sách, Ngày mượn

**Câu 61.** Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ không thực hiện công việc:

 A. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

 B. Liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

 C. Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

 D. Định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

**Câu 62.** Báo cáo thường được sử dụng để:

 A. Thể hiện được sự so sánh và tổng hợp thông tin từ các nhóm dữ liệu

 B. Trình bày nội dung văn bản theo mẫu quy định

 C. A và B đều đúng

 D. A và B đều sai

*------ HẾT ------*